

Bản án số: 174/2017/DS-PT

Ngày: 31-10-2017

V/v tranh chấp: “*Quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hà
Các Thẩm phán:

1/ Ông Nguyễn Hữu Tuấn

2/ Ông Lê Thành Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2017/TLPT-DS ngày 20-3-2017 về việc tranh chấp “*Quyền sử dụng đất*”, do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 13-02-2017 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 254/2017/QĐPT-DS ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn B - Nơi cư trú: Ấp Hiệp Thuận, xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng Thơ - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N1 – Nơi cư trú: Ấp Hiệp Thuận, xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh Dân - Luật sư của Văn phòng luật sư Quang Danh, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Lê Thị R - Nơi cư trú: Ấp Hiệp Thuận, xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Rục: Ông Nguyễn Văn N1 – Nơi cư trú: Ấp Hiệp Thuận, xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền ngày 30/10/2017). (Có mặt).

3.2. Bà Lê Thị L - Nơi cư trú: Ấp Hiệp Thuận, xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

3.3. Bà Nguyễn Thị H - Nơi cư trú: Ấp Ba Chùa, xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

3.4. Bà Nguyễn Thị N - Nơi cư trú: Ấp Hiếu Xuân Đông, xã Hiếu Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

3.5. Ông Nguyễn Văn H - Nơi cư trú: Ấp Tân Thuận, xã Tà Đánh, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

3.6. Ông Nguyễn Văn S - Nơi cư trú: Ấp Càng Đất, xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

3.7. Ông Nguyễn Văn T - Nơi cư trú: Ấp Càng Đất, xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

3.8. Ông Nguyễn Văn N2 - Nơi cư trú: Ấp T5, xã Vĩnh Phú, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

3.9. Ông Nguyễn Văn L - Nơi cư trú: Ấp Hiệp Thuận, xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông S, ông T, ông N2 và ông L: Ông Nguyễn Văn N1 – Nơi cư trú: Ấp Hiệp Thuận, xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền ngày 31/10/2013). (Có mặt).

3.10. UBND huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ: Khu 4, thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của UBND huyện T: Ông Trương Kế T - Chủ tịch UBND huyện T (Vắng mặt).

4. *Người làm chứng:* Ông Phạm Văn T – Nơi cư trú: Tổ 9, ấp Hiệp Thuận, xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

5. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 12-3-2012, được bổ sung ngày 19-7-2013 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Cha mẹ ông là cụ Nguyễn Văn Thôi và cụ Trần Thị Lãnh có tất cả 05 người con gồm: Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị G và ông (Nguyễn Văn B). Bà G đã chết năm 2000; bà G có 05 người con là Nguyễn Văn N1, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn T. Năm 1976, sau khi ông xuất ngũ về cha mẹ có cho ông phần đất thừa 825, diện tích

2.410m², tọa lạc tại ấp Hiệp Thuận, xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long và ông đã kê khai theo tư liệu 299/TTg của Thủ tướng chính phủ. Quá trình sử dụng, ông Nguyễn Văn N1 đã tự ý kê khai, đăng ký vào năm 1991 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất thửa 1173, diện tích 1.860m², tọa lạc tại ấp Hiệp Thuận, xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long; phần còn lại ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 1172, diện tích 530m². Ông khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn N1 trả lại phần đất mà ông đã kê khai theo tư liệu 299/TTg của Thủ tướng chính phủ diện tích theo đo đạc thực tế thuộc chiết thửa 1173-2, diện tích 1.083,4m² (trong đó có 300m², loại đất ở nông thôn và 783,4m² loại đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại ấp Hiệp Thuận, xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long và yêu cầu huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông N1 phần đất thuộc thửa 1173. Đối với yêu cầu phản tố của ông N1 về việc yêu cầu ông trả lại phần đất ông đang canh tác chiết thửa 1173-1, diện tích 1.226,7m² thì ông không đồng ý vì ông không có đổi đất với ông N1.

- Tại đơn phản tố ngày 29-8-2012, được bổ sung ngày 16-01-2013 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn N1 trình bày:

Từ nhỏ ông sống chung với ông bà ngoại là cụ Nguyễn Văn Thôi, cụ Trần Thị Lãnh và cùng canh tác các thửa đất của ông bà ngoại. Năm 1991 khi cán bộ đo đạc đến đo đất, cụ Thôi, cụ Lãnh cho ông phần đất và chỉ cán bộ đo đạc đo đất cho ông đứng tên. Do lúc đó ông đi làm ăn xa không có nhà nên vợ ông là Lê Thị R thay ông ký tên vào đơn xin đăng ký ngày 30-3-1991. Ngày 07-8-1993, ông được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng ông và cụ Lãnh đã canh tác trồng cây, cất nhà ở trên phần đất thửa 1173 từ trước đến nay, ông B không có ý kiến gì. Năm 1996, ông B đổi cho ông phần đất ao thuộc thửa 1172 (đo đạc thực tế 1172-2, diện tích 211m²) để ông nuôi cá, ông giao cho ông B một phần thửa 1173 (đo đạc thực tế thửa 1173-1 diện tích 1.226,7m²), ông B trông cam canh tác cho đến nay. Ông N1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông B và phản tố yêu cầu ông B trả lại phần đất thửa 1173-1 diện tích 1.226,7m². Ngày 29-11-2016, ông N1 có đơn xin rút yêu cầu phản tố thống nhất để ông B tiếp tục sử dụng phần đất thửa 1173-1, diện tích 1.126,7m², yêu cầu Tòa án công nhận phần đất thửa 1173-2, diện tích 1.083,4m² (trong đó có 300m² loại đất ở nông thôn và 783,4m² loại đất trồng cây lâu năm) thuộc quyền sử dụng của ông.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị R, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn T không có yêu cầu độc lập, thống nhất ý kiến của ông N1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị H trình bày:

Phần đất thửa 1173 có nguồn gốc của cha mẹ là cụ Nguyễn Văn Thôi và cụ Trần Thị Lãnh để lại. Khi cụ Thôi, cụ Lãnh còn sống có chia cho ông N1 một phần để cất nhà ở, phần còn lại chia phần đất cho ông Nguyễn Văn H nhưng ông H không canh tác bỏ hoang nên ông B khai thác và trồng cây cho đến nay. Các ông bà thống nhất đề nghị phần đất ông N1 đang cất nhà ở và sử dụng từ trước đến nay để cho ông N1 tiếp tục sử dụng và không có yêu cầu độc lập.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị L không có yêu cầu độc lập, thống nhất ý kiến của ông Nguyễn Văn B.

- Tại văn bản số 1069/UBND-NC ngày 10-10-2012, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện T trình bày: UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B716392 ký ngày 07-8-1993 tại thửa số 1173 diện tích 1860m² loại đất thổ quả, tờ bản đồ số 05 cũ (tờ bản đồ số 04 mới) tọa lạc tại ấp Hiệp Thuận, xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long cho ông Nguyễn Văn N1 đứng tên chủ sử dụng đất là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Tại văn bản số 203/BC-TNMT ngày 30-9-2016, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trà Ôn xác định: Phần đất thuộc các thửa 1172-1, diện tích 219,5m²; thửa 1172-2, diện tích 221m² loại đất trồng cây lâu năm; thửa 1173-1 diện tích 1.226,7m² loại đất trồng cây lâu năm; thửa 1173-2 loại đất ở tại nông thôn và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Hiệp Thuận, xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, theo tư liệu 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ là thửa 825 diện tích 2.410m² do ông Nguyễn Văn B kê khai trong sổ mục kê ruộng đất.

- Tại trích đo bản đồ hiện trạng khu đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trà Ôn ký xác nhận ngày 03-8-2013 thể hiện: Phần đất tranh chấp thuộc các thửa: Thửa 1172-2, diện tích 211.0m², đất trồng cây lâu năm; thửa 1173-1, diện tích 1.226,7m², đất trồng cây lâu năm; thửa 1173-2, diện tích 300m², đất ở nông thôn và 783,4 m² đất trồng cây lâu năm.

- Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29-7-2016 thể hiện:

+ Phần đất thửa 1173-1 diện tích 1.226,7m² hiện trạng có 07 ngôi mộ của thân tộc và số cây trồng do ông B trồng gồm 10 cây măng cụt dưới 15 năm, 13 cây sầu riêng đã chết (không còn khả năng cho trái), 05 cây dừa dưới 20 năm và 220 cây cam mới trồng; phần đất và cây trồng do ông B trồng và quản lý sử dụng.

+ Phần đất thửa 1173-2 diện tích 1.083,4m² hiện có căn nhà cấp 4 kiên cố diện tích khoảng 120m² ông N1 xây dựng năm 2013 và số cây trồng do ông N1 trồng gồm: 10 cây dừa dưới 20 năm, 08 cây măng cụt trên 20 năm, 02 cây xoài từ 10 đến 15 năm; 02 cây mận khoảng 10 năm, 03 cây dâu trên 20 năm, 03 cây ổi 06 năm tuổi. Phần đất, căn nhà và cây trồng do ông N1, chị R quản lý sử dụng.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 13-02-2017, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ khoản 4 Điều 34, Điều 85, khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 32 Luật tố tụng hành chính; khoản 5 Điều 1 của Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25-11-2015;

Áp dụng: Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 100, Điều 166 của Luật đất đai năm 2013; Điều 27 của Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án 2009; Điều 10 của Luật phí án phí năm 2016; Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn B.

- *Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B716392 ký ngày 07-8-1993 do UBND huyện T đã cấp cho ông Nguyễn Văn N1 đối với phần đất chiết thửa 1173-1 diện tích 1.226,7m² loại đất LNQ, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp Hiệp Thuận, xã Hòa Bình huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (Theo trích đo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 03-8-2012 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trà Ôn).*

- *Công nhận ông Nguyễn Văn B quyền sử dụng đất phần đất thửa 1173-1 diện tích 1.226,7m² loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp Hiệp Thuận, xã Hòa Bình huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (Theo trích đo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 03-8-2012 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trà Ôn) và tiếp tục sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất.*

- *Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N1 giao trả phần đất thửa 1173-2 diện tích 1.083,4m² (trong đó có 300m² đất ở nông thôn và 783.4m² đất trồng cây lâu năm), tờ bản đồ 04, tọa lạc ấp Hiệp Thuận, xã Hòa Bình huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (Theo trích đo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 03-8-2012 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trà Ôn).*

Công nhận cho ông Nguyễn Văn N1 quyền sử dụng phần đất thửa 1173-2 diện tích 1.083,4m² (trong đó có 300m² đất ở nông thôn và 783.4m² đất trồng cây lâu năm) tờ bản đồ 04 tọa lạc ấp Hiệp Thuận, xã Hòa Bình huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (Theo trích đo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 03-8-2012 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trà Ôn).

Ông Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Văn N1 có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

- *Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn N1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn B trả lại phần đất thửa 1173-1 diện tích 1226,7m² loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp Hiệp Thuận, xã Hòa Bình huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 23-02-2017, ông Nguyễn Văn B kháng cáo yêu cầu hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 13-02-2017 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn; không công nhận cho ông Nguyễn Văn N1 quyền sử dụng thửa đất số 1173-2, diện tích 1.083,4m², tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp Hiệp Thuận, xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 03-8-2012 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trà Ôn); yêu cầu ông Nguyễn Văn N1 trả lại thửa đất này cho ông B. Lý do: Ông B đã canh tác trên thửa đất 1173-2 từ năm 1976 đến năm 1980, đã có kê khai trong sổ mục kê ruộng đất theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10-11-1980 của Thủ tướng Chính phủ thửa đất 1173; ông Nguyễn Văn N1 tự ý kê khai đăng ký quyền sử dụng đất thửa 1173; phần đất 1173-2 là nền nhà của cha ông B là ông Nguyễn Văn T ở trước

đây và ông B đã đứng tên trong sổ mục kê ruộng đất; trong thời gian ông N1 trồng cây ông B có ngăn cản và chỉ cho ông N1 trồng cây ngăn ngày.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 100 của Luật đất đai năm 2013, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận đơn kháng cáo của ông B; miễn án phí dân sự cho ông B.

Ông Nguyễn Văn N1 không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N1 đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 166 của Luật đất đai năm 2013, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Người làm chứng ông Phạm Văn Th trình bày ông biết ông Bảy là người khai phá, lên liếp trồng cây trên phần đất cha mẹ ông B cho; ông không biết vị trí thửa đất tranh chấp 1173-2.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, người làm chứng chấp hành đúng pháp luật.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm; ông B được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn H và UBND huyện T, tỉnh Vĩnh Long đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt; do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn B, xét thấy:

[3] Phần đất tranh chấp thuộc thửa số 1173-2 (theo đo đạc thực tế có diện tích là 1.083,4m²), tọa lạc tại ấp Hiệp Thuận, xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Phần đất này các đương sự thừa nhận có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn Thôi và cụ Trần Thị Lãnh (cha mẹ của ông Nguyễn Văn B và là ông bà ngoại của ông Nguyễn Văn N1).

[4] Theo Chứng thực lưu trữ địa chính số 1497/CTLT-TTCNTT ngày 09-9-2011 của Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long và Công văn số 203/BC-TNMT ngày 30-9-2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trà Ôn thì thửa đất tranh chấp 1173-2 thuộc thửa đất 825 mà ông B đã kê khai trong sổ mục kê ruộng đất theo tư liệu 299/TTg ngày 10-11-1980 của Thủ tướng Chính phủ. Ông B chỉ có kê khai phần đất tranh chấp này trong sổ mục kê ruộng đất mà không kê khai, đăng ký trong sổ bộ địa chính theo quy định tại Điều 18 của Luật đất đai năm 1987.

[5] Mặc dù ông B kê khai phần đất thửa 825 nói trên trong sổ mục kê ruộng đất, trong đó có thửa 1173-2, nhưng ông B không có quản lý, sử dụng thửa 1173-2; thực tế, người quản lý, sử dụng thửa đất 1173-2 là cụ Nguyễn Văn Thôi, cụ Trần Thị Lãnh và ông Nguyễn Văn N1. Hiện trạng thửa 1173-2 trước khi ông B kê khai đăng ký trong sổ mục kê ruộng đất năm 1980 có căn nhà của cụ Thôi và cụ Lãnh ở. Ông N1 sống chung với cụ Thôi, cụ Lãnh nên cùng canh tác phần đất này. Ông N1 có trồng cây ăn trái trên phần đất này, khi ông N1 trồng cây ông B không ngăn cản. Những người con của cụ Thôi và cụ Lãnh là bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn H cũng đều xác nhận khi cụ Thôi, cụ Lãnh còn sống, các cụ có chia cho ông N1 phần đất hiện trạng có căn nhà anh N1 và cụ Lãnh ở. Sau khi cụ Thôi và cụ Lãnh chết, ông N1 là người tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất nói trên.

[6] Để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, ông N1 đã kê khai, đăng ký trong sổ bộ địa chính ngày 30-3-1991 và đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07-8-1993; lúc này, cụ Thôi còn sống. Trong quá trình ông N1 sử dụng đất, kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không có ai tranh chấp. Xét thấy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện T đối với ông N1 là hợp pháp.

[7] Do ông B không có quản lý, sử dụng phần đất thửa 1173-2, cũng không có kê khai, đăng ký trong sổ bộ địa chính theo quy định tại Điều 18 của Luật đất đai năm 1987, còn ông N1 là người quản lý, sử dụng hợp pháp thửa đất 1173-2 cùng với cụ Thôi, cụ Lãnh và ông N1 đã có đăng ký đất đai được vào sổ bộ địa chính và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 18 của Luật đất đai năm 1987 nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông B và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B về việc hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm, không công nhận cho ông N1 quyền sử dụng phần đất thửa 1173-2, diện tích 1.083,4m², tờ bản đồ 04, tọa lạc ấp Hiệp Thuận, xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long và yêu cầu ông N1 trả cho ông B thửa 1173-2 là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là có cơ sở chấp nhận.

[8] Do đó, bản án sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 13-02-2017 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông B về việc yêu cầu ông N1 giao trả phần đất thửa 1173-2 và công nhận cho ông N1 quyền sử dụng thửa đất 1173-2 là hoàn toàn có cơ sở. Vì

vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 13-02-2017 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn B do ông B thuộc diện người có công với cách mạng theo quy định tại điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn B.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 13-02-2017 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 100, Điều 166 của Luật đất đai năm 2013; điểm đ Điều 12 và Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N1 giao trả cho ông B thửa đất số 1173-2, diện tích 1.083,4m² (trong đó có 300m² đất ở nông thôn và 783.4m² đất trồng cây lâu năm), tờ bản đồ 04, tọa lạc tại ấp Hiệp Thuận, xã Hòa Bình huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (Theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 03-8-2012 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long).

[2] Công nhận cho ông Nguyễn Văn N1 quyền sử dụng thửa đất số 1173-2, diện tích 1.083,4m² (trong đó có 300m² đất ở nông thôn và 783.4m² đất trồng cây lâu năm), tờ bản đồ 04, tọa lạc tại ấp Hiệp Thuận, xã Hòa Bình huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (Theo Trích đo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 03-8-2012 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long).

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn B được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh VL;
- TAND huyện Trà Ôn;
- Chi cục thi hành án DS huyện Trà Ôn;
- Đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Hà